

DẪN LIỆU MỚI VỀ THÀNH PHẦN LOÀI CHIM Ở KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN - VĂN HÓA ĐỒNG NAI, TỈNH ĐỒNG NAI

Nguyễn Lâm Hùng Sơn^(*)

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Nguyễn Hoàng Hảo

Khu bảo tồn thiên nhiên Văn hóa Đồng Nai

^(*)E-mail: sonnlh@yahoo.com

1. Mở đầu

Khu bảo tồn thiên nhiên và di tích (BTTN & DT) Vĩnh Cửu có diện tích 100.303 ha, được thành lập theo Quyết định số 09/2006/QĐ-UBND ngày 20 tháng 2 năm 2006 của UBND tỉnh Đồng Nai, trên cơ sở sát nhập Khu dự trữ thiên nhiên Vĩnh Cửu với Trung tâm quản lý di tích chiến khu Đ. Khu BTTN & DT Vĩnh Cửu thuộc huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai, phía đông giáp với Vườn quốc gia Cát Tiên và hồ Trị An, phía bắc và phía tây giáp với tỉnh Bình Phước và tỉnh Bình Dương, phía nam là vùng lòng hồ nhà máy thủy điện Trị An và sông Đồng Nai. Tọa độ địa lý là: 11⁰03' - 11⁰30'B, 106⁰54' - 107⁰13'D. Độ cao trung bình từ 100 - 200 m so với mặt nước biển.

Khu bảo tồn được thành lập với mục tiêu là chuyển đổi diện tích rừng sản xuất thành rừng đặc dụng, nhằm khôi phục lại sự đa dạng sinh học của hệ sinh thái rừng cây tự nhiên họ Dầu thuộc lưu vực sông Đồng Nai. Diện tích qui hoạch của khu bảo tồn tạo ra phạm vi bảo tồn thiên nhiên rộng lớn nối liền với Vườn quốc gia Cát Tiên, bảo tồn nơi cư trú và di trú cho các loài động vật hoang dã, mở rộng vùng địa lý sinh thái đặc thù của miền Đông Nam bộ. Mục tiêu của khu bảo tồn là bảo tồn thiên nhiên gắn liền với bảo tồn và phát huy giá trị lịch sử, văn hóa của các di tích. Với ý nghĩa đó, ngày 27/8/2010, Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai đã ra Quyết định số 2208/QĐ-UBND đổi tên Khu BTTN & DT Vĩnh Cửu thành Khu Bảo tồn thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai.

Nằm trong chương trình hợp tác nghiên cứu kiểm kê đa dạng sinh học của Khu BTTN & DT Vĩnh Cửu giữa Ban quản lý khu bảo tồn với Trung tâm nghiên cứu môi trường và Giáo dục bảo vệ môi trường (CERE) thuộc Trường Đại học Sư

phạm Hà Nội, nhằm xây dựng hồ sơ đệ trình Ủy ban Quốc gia Con người và Sinh quyển. UNESCO công nhận khu bảo tồn là Khu Dự trữ sinh quyển thế giới, chúng tôi đã tiến hành điều tra, khảo sát khu hệ chim ở đây.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Thời gian, địa điểm và phương pháp nghiên cứu

Thời gian và địa điểm nghiên cứu:

Chúng tôi tiến hành điều tra khảo sát thực địa từ 4/01 đến 26/05/2010 tại các địa điểm bao quát các dạng sinh cảnh chính ở khu bảo tồn thuộc các xã: Mã Đà, Hiếu Liêm, Phú Ly. Cụ thể các địa điểm khảo sát bao gồm: khu vực Trung ương cục miền Nam, khu vực Trại kiểm lâm Khu ủy (chiến khu D), khu vực Trại kiểm lâm Suối Ràng, khu vực Trại kiểm lâm Rang Rang, khu vực trạm kiểm lâm Dakinde, khu vực Trung tâm sinh thái chiến khu D, khu vực hồ Bà Hào và khu vực giáp hồ Trị An.

Phương pháp nghiên cứu:

Phương pháp chính được sử dụng nghiên cứu chim ngoài thực địa là quan sát chim ngoài thiên nhiên với sự hỗ trợ của các phương tiện nghiên cứu như ống nhòm Nikon Action EX 8 × 40 CF, ống Fieldscopes có gắn khẩu nối của Nikon, máy ảnh Nikon D70S có gắn ống kính Nikon zoom tele 70 – 300 mm VR và ống nối AFS teleconverter TC-20 EII.

Sử dụng lưới mờ (mist-nets) loại 4 tay lưới, dài 12 m, cao 2,6 m. mắt lưới 15 mm x 15 mm của Italia sản xuất (do Bảo tàng LSTN quốc gia Paris, Pháp cung cấp) để bắt thả chim nhằm xác định chính xác các loài chim bụi, kích thước nhỏ sống lẫn lộn khó phát hiện. Để xác định nhanh các loài chim ngoài thực địa, chúng tôi có tham khảo một số sách hướng dẫn về nhận dạng chim ở khu vực Đông Nam Á và Việt Nam có hình vẽ màu được chỉ dẫn chi tiết [2, 6].

Danh lục chim được sắp xếp theo hệ thống phân loại được đề xuất bởi Sibley-Ahlquist-Monroe (SAM) [7, 8] và được sử dụng trong *Danh lục chim thế giới* [3]. Về phân loại học, trong từng trường hợp sẽ có thảo luận thêm.

2.2. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

2.2.1. Cấu trúc thành phần loài

Kế thừa có chọn lọc các kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học thuộc Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật thực hiện từ năm 2007 - 2009, kết hợp với kết

quả nghiên cứu của nhóm nghiên cứu thuộc trường Đại học Kansas, Hoa Kỳ (The University of Kansas) và qua điều tra thực tế của chúng tôi trong năm 2010, cho tới nay đã xác định được ở Khu Bảo tồn thiên nhiên Văn hóa Đồng Nai có 272 loài chim phân bố trong 18 bộ, 64 họ, 182 giống. Trong số đó có 61 loài thu được mẫu, 35 loài không thu được mẫu nhưng chụp được ảnh ở ngoài tự nhiên. Sự đa dạng về số lượng họ, giống, loài trong từng bộ được thể hiện trong Bảng 1.

Bảng 1. Đa dạng số lượng họ, giống, loài trong các bộ Chim ở KBTTN-VH Đồng Nai

Stt	Tên bộ	Số họ	Số giống	Số loài
1	Bộ Gà - Galliformes	1	7	8
2	Bộ Ngỗng Anseriformes	1	2	2
3	Bộ Chim lặn - Podicipediformes	1	1	1
4	Bộ Hạc Ciconiiformes	4	12	15
5	Bộ Cắt Falconiformes	2	16	20
6	Bộ Sếu Gruiformes	2	7	8
7	Bộ Rẽ - Charadriiformes	5	9	13
8	Bộ Bồ câu Columbiformes	1	5	8
9	Bộ Vẹt Psittaciformes	1	2	2
10	Bộ Cu cu Cuculiformes	1	8	11
11	Bộ Cú Strigiformes	1	3	6
12	Bộ Cú muỗi - Caprimulgiformes	1	2	3
13	Bộ Yến - Apodiformes	1	2	2
14	Bộ Núi Trogoniformes	1	1	2
15	Bộ Sả - Coraciiformes	3	10	14
16	Bộ Hồng hoàng - Bucerotiformes	2	4	4
17	Bộ Gõ kiến Piciformes	2	11	19
18	Bộ Sẻ - Passeriformes	34	80	134
Tổng:		64	182	272

Đánh giá mức độ đa dạng trong các taxon có thể nhận xét như sau:

Trong 18 bộ Chim ở khu vực nghiên cứu, bộ Sẻ (*Passeriformes*) đa dạng nhất cả về họ, giống và loài (34 họ, 80 giống, 134 loài). Bộ đa dạng thứ hai về họ là bộ Rẽ (*Charadriiformes*) với 5 họ, bộ Hạc (*Ciconiiformes*) có 4 họ, bộ Sả (*Coraciiformes*) có 3 họ. Về đa dạng loài trong các bộ, đứng sau bộ Sẻ là bộ Cắt (*Falconiformes*)

với 20 loài, bộ Gõ kiến (*Piciformes*) với 19 loài, bộ Hạc với 15 loài.

Trong 64 họ chim ở khu vực nghiên cứu, họ Khướu (*Timaliidae*) đa dạng nhất về thành phần loài với 19 loài. Tiếp theo là các họ sau: họ Diều (*Accipitridae*), họ Dớp ruồi (*Muscicapidae*) đều có 15 loài, họ Gõ kiến (*Picidae*) có 13 loài.

Danh lục chim của khu bảo tồn được chúng tôi sắp xếp theo hệ thống SAM được sử dụng trong *Danh lục chim thế giới* (Dickinson, 2003) [3]. Tuy nhiên, có một số điều chỉnh cho phù hợp với các kết quả nghiên cứu mới được công bố gần đây về phân loại chim (Nguyễn Lân Hùng Sơn, Nguyễn Thanh Vân, 2010) [9]. Các loài chim cum cút trong danh lục này vẫn được chúng tôi xếp trong bộ Sếu (*Gruiformes*) như trước đây vì còn nhiều ý kiến và dẫn liệu cho rằng chưa thể tách nhóm này ra bộ mới (*Turniciformes*) được. Nhưng các loài dẫu riu, hồng hoàng, cao cát bụng trắng, niệc mỏ vầu chúng tôi vẫn cho tách ra thành bộ mới Bộ Hồng hoàng (*Bucerotiformes*) như quan điểm của Hackett et al., 2008 [4]. Ngoài ra, một số giống trong họ Chim chích (*Sylviidae*) trước đây cũng được tách ra thành họ mới Cettiidae, có tên tiếng Anh là Cettiid warblers và chúng tôi tạm đặt là họ Chích dớp ruồi. Họ này bao gồm các loài chim hót, ăn sâu bọ, kích thước nhỏ và bao gồm 9 giống là: *Abroscopus*, *Pholidornis*, *Hylia*, *Erythrocercus*, *Urosphena*, *Tesia*, *Cettia*, *Tickellia*, *Phyllergates*. Các nghiên cứu tiếp theo cho rằng một số giống khác cũng có thể được xếp vào họ này, ví dụ như giống *Eremomela* [1].

Trên cơ sở tham khảo các tài liệu mô tả những đặc trưng của khu hệ động vật ở các vùng địa lý sinh vật trên thế giới, chúng tôi cho rằng khu hệ chim ở Vĩnh Cửu mang nhiều yếu tố địa lý động vật của vùng Ấn Độ - Malaysia hay Phương Đông (*Oriental*) như họ Trĩ (*Phasianidae*), họ Khướu (*Timaliidae*), họ Bói cá (*Alcedinidae*) cùng các dạng chung với Ethiopia như họ Hồng hoàng (*Bucerotidae*), họ Hút mật (*Nectariniidae*). Những yếu tố của vùng phụ Ấn Độ trong vùng Phương Đông được thể hiện với sự xuất hiện của nhiều loài chim thuộc họ Gõ kiến (*Picidae*), họ Sáo (*Sturnidae*).

Khu Bảo tồn thiên nhiên Văn hóa Đồng Nai nằm trong khu phân bố chim Nam bộ ở Việt Nam (Võ Quý, Nguyễn Cử, 1995) [5]. Với vị trí nằm ở địa hình chuyển tiếp từ phía Nam dãy Trường Sơn qua Đông Nam bộ xuống đồng bằng sông Cửu Long. Do vậy, hệ động thực vật rừng ở đây có quan hệ chặt chẽ với hệ động, thực vật của dãy Trường Sơn nam, miền Đông Nam bộ của Việt Nam. Đây là một khu bảo tồn mới được thành lập từ năm 2004 trên cơ sở sát nhập 3 lâm trường: Mã Đà, Hiếu Liêm và Vĩnh An. Sau đó, năm 2006 sát nhập Ban Quản lý di tích Chiến khu D. Dự kiến sát nhập Trung tâm Thủy sản Đồng Nai và quản lý hồ Trị An với diện tích trên 32.000 ha. Sự chuyển đổi rừng sản xuất thành rừng đặc dụng, nhằm khôi phục lại sự đa dạng sinh học của hệ sinh thái rừng tự nhiên thuộc lưu vực sông

Đồng Nai và việc mở rộng diện tích khu bảo tồn tạo thảm rừng liên tục nối liền với Vườn quốc gia Cát Tiên đã góp phần bảo tồn hệ sinh thái đặc thù của miền Đông Nam bộ. Sự đa dạng của các kiểu sinh cảnh đặc trưng của khu bảo tồn từ rừng thường xanh và bán thường xanh đất thấp phục hồi với nhiều dây leo và khép tán dẫn đến các sinh cảnh đất ngập nước như đầm hồ Bà Hào, hồ đập thủy điện Trị An và nhiều sông suối đã tạo nên tính đa dạng của khu hệ chim hoang dã ở đây. Công tác bảo vệ rừng và phục hồi, làm giàu rừng với những cây gỗ bản địa bước đầu đã thành công với việc thu hút nhiều loài chim đến kiếm ăn sinh sống trong khu vực. Sự xuất hiện kiếm ăn của các đàn chim Cao cát bụng trắng (*Anthracoceros albirostris*) thường xuyên tại di tích Khu ủy miền Đông Nam bộ đã thể hiện sự yên bình của khu rừng được bảo vệ. Giống như loài Hồng hoàng (*Buceros bicornis*), đây là những loài chim rất nhạy cảm với sự tác động của con người và thường chỉ làm tổ, kiếm ăn trong những khu rừng còn nguyên sinh và được bảo vệ tốt. Bên cạnh sự phong phú của loài chim Khướu (*Timaliidae*) trong bộ Sẻ (*Passeriformes*), thì hệ sinh thái rừng ở đây cũng gặp khá nhiều loài chim thuộc họ Bồ câu và họ Cu cu. Khu vực Darkine và khu vực giáp ranh với Vườn quốc gia Cát Tiên cũng khá đa dạng các loài chim thuộc họ Gõ kiến. Đường đi vào Trung ương cục Miền Nam là nơi dễ dàng bắt gặp các loài chim thuộc họ Trĩ kiếm ăn bên đường rừng như gà rừng (*Gallus gallus*), hay cả các loài chim quý hiếm có giá trị bảo tồn nguồn gen như Gà lôi hồng tía (*Lophura diardi*), Gà so cổ hung (*Arborophila davidi*),. Hệ sinh thái rừng núi thấp xen kẽ với các trảng cỏ, cây bụi và sông suối, ao hồ cũng tạo điều kiện cho sự sinh sống, di cư kiếm ăn của nhiều loài chim ăn thịt trong họ Cắt (*Falconidae*), họ Diều (*Accipitridae*),. Khu vực đầm hồ Bà Hào với sự bao quanh của các đồi rừng là nơi lý tưởng tập trung kiếm ăn sinh sống của nhiều loài chim nước trong đó có các loài dễ gặp như Le hôi (*Tachybaptus ruficollis*), Cốc đen (*Microcarbo niger*), Cỏ rắn (*Anhinga melanogaster*) và nhiều loài cò trong họ Diệc (*Ardeidae*). Tuy nhiên, cũng cần khống chế sự phát triển của cây Mai dương trong khu bảo tồn.

2.2.2. Các loài quý, hiếm có giá trị bảo tồn nguồn gen

Trong số 272 loài chim hiện diện ở khu vực nghiên cứu, có tới 20 loài chim quý hiếm có giá trị bảo tồn nguồn gen. Trong đó, có 15 loài có tên trong Nghị định 32/2006/NĐ-CP của Chính phủ bao gồm 4 loài trong nhóm IB và 11 loài trong nhóm IIB. Có 13 loài có tên trong *Sách Đỏ Việt Nam* (2007), gồm 3 loài bậc EN. 8 loài bậc VU và 2 loài ở bậc LR. Có 12 loài có tên trong *Danh lục Đỏ IUCN* (2009) bao gồm 1 loài bậc EN, 3 loài bậc VU, 8 loài bậc NT. Danh sách các loài quý hiếm được thể hiện trong Bảng 2.

Bảng 2. Các loài chim có giá trị bảo tồn nguồn gen ở Khu BTTN VH Đồng Nai

TT	Tên khoa học	Tên tiếng Anh	Tên phổ thông	Giá trị bảo tồn		
				ND32	SDVN	IUCN
1	<i>Arborophila davidi</i>	Orange-necked Partridge	Gà so cổ lưng	IIB	EN	EN
2	<i>Arborophila charltonii</i>	Chestnut-necklaced Partridge	Gà so ngực gụ	IIB	LR	N1
3	<i>Lophura diardi</i>	Siamese Fireback	Gà lôi hông tía	IB	VU	N1
4	<i>Polyplectron germaini</i>	Germain's Peacock-pheasant	Gà tiền mặt đỏ	IB	VU	N1
5	<i>Pavo muticus</i>	Green Peafowl	Cồng	IB	EN	VU
6	<i>Nettion coromandelianus</i>	Cotton Pygmy Goose	Lo khoang cổ		EN	
7	<i>Ciconia episcopus</i>	Woolly-necked Stork	Hạc cổ trắng	IIB	VU	
8	<i>Leptoptilos javanicus</i>	Lesser Adjutant	Già đẫy java	IB	VU	VU
9	<i>Anhinga melanogaster</i>	Oriental Darter	Cổ rắn			N1
10	<i>Ichthyophaga humilis</i>	Lesser Fish Eagle	Diều cá bé		VU	N1
11	<i>Spilornis cheela</i>	Crested Serpent Eagle	Diều hoa miến điện	IIB		
12	<i>Polyhierax insignis</i>	White-rumped Falcon	Cắt nhò họng trắng	IIB	LR	N1
13	<i>Aquila clanga</i>	Greater Spotted Eagle	Dại bàng đen		VU	VU
14	<i>Loriculus vernalis</i>	Vernal Hanging Parrot	Vẹt lùn	IIB		
15	<i>Psittacula alexandri</i>	Red-breasted parakeet	Vẹt ngực đỏ	IIB		
16	<i>Rhyticeros undulatus</i>	Wreathed Hornbill	Niệc mỏ vằn	IIB	VU	
17	<i>Buceros bicornis</i>	Great Hornbill	Hồng hoàng	IIB	VU	N1
18	<i>Copsychus malabaricus</i>	White-rumped Shama	Chích chòe lửa	IIB		
19	<i>Ploceus hypoxanthus</i>	Asian Golden Weaver	Rồng rộc vàng			N1
20	<i>Gracula religiosa</i>	Common Hill Myna	Yểng	IIB		
Tổng số				15	13	12

Ghi chú:

ND32: Nghị định 32/2006/ND-CP của Chính phủ quy định Danh mục Thực vật rừng, Động vật rừng nguy cấp, quý hiếm;

SDVN: Sách Đỏ Việt Nam, phần I. Động vật, 2007;

IUCN: Danh lục đỏ IUCN (The IUCN Redlist of Threatened Species, 2009).

3. Kết luận

Qua nghiên cứu chúng tôi đã xác định ở KBTTN-VH Đồng Nai có 272 loài chim thuộc 18 bộ, 64 họ, 182 giống. Trong đó, có 15 loài có tên trong Nghị định 32/2006/NĐ-CP của Chính phủ, 13 loài có tên trong *Sách Đỏ Việt Nam* (2007), 12 loài có tên trong *Danh lục Đỏ IUCN* (2009).

Khu bảo tồn thiên nhiên và di tích Vĩnh Cửu có khu hệ chim khá đa dạng và phong phú trong các bậc taxon trải rộng trên nhiều dạng sinh cảnh khác nhau. Việc mở rộng và nâng cấp qui mô quản lí lên thành Khu Dữ trữ sinh quyển Đồng Nai là cần thiết và tạo điều kiện cho việc bảo tồn và phát triển các loài chim hoang dã nói riêng và khu hệ động, thực vật nói chung ở đây ngày một tốt hơn.

Từ khóa: Đồng Nai, khu hệ chim, loài quý hiếm, khu dữ trữ sinh quyển.

Lời cảm ơn. Nghiên cứu trong bài báo có sự hỗ trợ của đề tài mã số B2010-17-272TD.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Alström, G.P.Ericson, Urban Olsson, Sundberg, 2006. *Phylogeny and classification of the avian superfamily Sylvioidea*. Molecular Phylogenetics and Evolution, Vol. 38, pp. 381-397.
- [2] Nguyễn Cử, Lê Trọng Trãi, Karen Philipps, 2000. *Chim Việt Nam*. Nxb Lao động - Xã hội, Hà Nội.
- [3] Dickinson, E.C. (editor), 2003. *The Howard & Moore Complete Checklist of the Birds of the world*, 3rd edition. Princeton University Press, Princeton, New Jersey.
- [4] Hackett S.J. et al., 2008. *A phylogenomic study of birds reveals their evolutionary history*. Science 320 (5884): 1763.
- [5] Võ Quý, Nguyễn Cử, 1995. *Danh lục Chim Việt Nam*. Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
- [6] Robson, C., 2000. *A Field Guide to the Birds of South-East Asia (Thailand, Peninsular Malaysia, Singapore, Myanmar, Laos, Vietnam, Campodia)*. New Holland Publishers (UK) Ltd.
- [7] Sibley C.G., J.A. Ahlquist, 1990. *Phylogeny and Classification of Birds: A study in molecular evolution*. Yale University Press, New Haven.
- [8] Sibley C.G., Monroe B.L.Jr., 1991. *Distribution and Taxonomy of Birds of the world*, first edition. Yale University Press.
- [9] Nguyễn Lâm Hùng Sơn, Nguyễn Thanh Vân, 2010. *Dẫn liệu mới về thành phần loài chim ở Vườn Quốc gia Xuân Sơn, tỉnh Phú Thọ*. Tạp chí Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 215-221.

ABSTRACT

New results of the survey of the Avifauna in Dong Nai Nature Reserve - Culture, Dong Nai Province

The inherited results of the studies conducted by scientists from the Institute for Ecology and Biological Resources between 2007 and 2009 and the results of the University of Kansas, USA and our study conducted in 2010 show that so far 272 species of birds have been identified in Dong Nai Nature Reserve - Culture, Dong Nai Province belonging to 18 orders, 64 families and 182 genus.

The list of birds is arranged in the classification systems proposed by Sibley-Alquist-Monroe (SAM), which was used in the Checklist of the Birds in the World (Dickinson ed., 2003). A number of species have been revised against the most updated results on DNA and compared to their levels of closeness in terms of origins.

Among the 272 species found in the study area, up to 20 species are regarded as rare species with high values of genetic preservation. Of these species, 15 are named in the Ordinance numbered 32/2006/ND-CP by the Government of Vietnam, 13 species are named in the Vietnam's Red Data Book (2007), 12 species are named in the IUCN Red List of threatened Species (2009).

Dong Nai Nature Reserve - Culture has an avifauna that is relatively diversified and prosperous among the taxon that stretches along many different ecological systems. The extension and upgrading the management scale to the Biosphere Reservation of Dong Nai is necessary and creates favourable conditions for the preservation and development of wild birds in particular and for animal and plants floras in general to get better and progress with every passing day.